TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - HÀ NỘI** Bản án số: 10/2025/KDTM-ST Ngày: 28/8/2025 V/v "Tranh chấp HĐ mua bán hàng hóa"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Toà án nhân dân Khu vực 11 - Hà Nội

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Lê Bảo Long.**

Hội thẩm nhân dân: **1, Bà Trương Thị Thái**

2, Ông Hoàng Văn Long.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Bà Đỗ Thị Minh Hiếu -** Cán bộ Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Hà Nội

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Hà Nội tham gia phiên toà: **Bà Mai Thị Phượng -** Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 11 - Hà Nội xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2025/DSST ngày 25 tháng 3 năm 2025 về việc "tranh chấp kiện đòi tài sản" nay thay đổi thành vụ án kinh doanh thương mại "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2025/QĐXXST ngày 18 tháng 6 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình T; Sinh năm: 1997; Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện P, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Khu tái định cư Q, thôn Q, xã V, huyện T (nay là xã Đ), thành phố Hà Nội (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: **Công ty CP N;** Trụ sở: Tầng C, Tòa nhà P, số A T, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; Địa chỉ văn phòng làm việc: Đội 5, V, xã Đ, huyện T (nay là xã N), thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh P -–Giám đốc (Vắng mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đình T1; Sinh năm: 1973; Địa chỉ: Khu tái định cư Q, thôn Q, xã V, huyện T (nay là xã Đ), thành phố Hà Nội (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai gửi Tòa án nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn có cung cấp nguyên vật liệu đóng gói cho Công ty cổ phần N – đại diện là anh Võ Minh P từ khoảng tháng 01/2022 đến tháng 01/2023, hai bên không ký hợp đồng mua bán mà chỉ thỏa thuận bằng miệng. Qúa trình làm ăn bên cửa hàng cung cấp nguyên liệu đóng gói, bên Công ty cổ phần N hàng tháng vẫn thanh toán đầy đủ theo như thỏa thuận giữa hai bên, mỗi tháng thanh toán 01 lần vào ngày 15 hàng tháng đầy đủ.

Đến tháng 01/2023 bên phía Công ty cổ phần N đã nợ lại Nguyên đơn số tiền là 144.120.000 đồng tiền nguyên vật liệu đóng gói hàng. Nguyên đơn đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin cho anh P (giám đốc công ty) đề nghị anh P cũng như bên phía Công ty cổ phần N trả cho Nguyên đơn số tiền nguyên liệu đóng gói còn nợ. Anh P đã thừa nhận số nợ này, hứa đồng ý sẽ trả tiền cho Nguyên đơn nhưng đến nay anh P mới chỉ trả cho Nguyên đơn được 02 lần mỗi lần 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu nhưng bên phía Công ty cổ phần N – đại diện là anh P vẫn chây ỳ không chịu trả tiền cho Nguyên đơn. Đến nay Công ty cổ phần N còn nợ 134.120.000 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội) buộc Công ty cổ phần N – đại diện là anh Võ Minh P phải trả cho Nguyên đơn số tiền 134.120.000 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) và buộc Công ty cổ phần N phải chịu tiền lãi trên số tiền trên từ tháng 01/2023 cho đến ngày 9/7/2025 với mức lãi suất là 09%/năm, tương ứng với số tiền là 30.463.000 đồng.

Tổng số tiền Nguyên đơn yêu cầu Công ty cổ phần N – đại diện là anh Võ Minh P phải trả là 164.583.000 đồng. Kính mong Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 30/7/2025, nguyên đơn anh Nguyễn Đình T nộp bản tự khai và trình bày:

Nguyên đơn và gia đình cùng kinh doanh nguyên vật liệu đóng gói hàng hóa. Từ năm 2022 nguyên đơn hoạt động buôn bán như một hộ kinh doanh cá thể và có nộp thuế đầy đủ. Thời điểm đó gia đình chưa có đăng ký kinh doanh tuy nhiên nguyên đơn đã nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Gia đình có cử nguyên đơn đứng tên hộ kinh doanh. Nguyên đơn làm việc,

đặt hàng hóa và thanh toán qua kế toán của Công ty cổ phần N chứ không làm việc trực tiếp với anh P, quá trình giao hàng, ông Nguyễn Đình T1 là bố anh, cũng là thành viên hộ kinh doanh có chụp lại phiếu biên nhận nhưng do thay đổi điện thoại nên đã bị mất hình ảnh những biên nhận đó, đến khi phía Công ty N chậm thanh toán nguyên đơn mới làm việc trực tiếp với anh P để xác định công nợ. Quá trình làm ăn bên cửa hàng của gia đình cung cấp nguyên liệu đóng gói, bên Công ty cổ phần N hàng tháng vẫn thanh toán đầy đủ theo như thỏa thuận giữa hai bên, mỗi tháng thanh toán 01 lần vào ngày 15 hàng tháng.

Nguyên đơn đã bổ sung thêm tài liệu chứng cứ là các tờ khai thuế và giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cấp ngày 21/5/2024, đồng thời rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi buộc bị đơn phải trả do chậm thanh toán.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 16/4/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đình T1 trình bày:

Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Đình T, gia đình ông cùng kinh doanh nguyên vật liệu đóng gói hàng hóa từ năm 2022 hoạt động buôn bán như một hộ kinh doanh cá thể và có nộp thuế đây đủ. Thời điểm đó gia đình ông chưa có đăng ký kinh doanh tuy nhiên gia đình ông đã nộp hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp. Gia đình ông có cử con trai ông là anh Nguyễn Đình T đứng tên hộ kinh doanh. Gia đình ông có cung cấp nguyên vật liệu đóng gói cho Công ty N - đại diện là anh Võ Minh P từ khoảng tháng 01/2022 đến tháng 01/2023, hai bên không ký hợp đồng mua bán mà chỉ thỏa thuận bằng miệng và hai bên thỏa thuận giao hàng tại Đ, thôn V, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội. Gia đình ông làm việc, đặt hàng hóa và thanh toán qua kế toán của Công ty N chứ không làm việc trực tiếp với anh P, quá tình giao hàng ông có chụp lại phiếu biên nhận nhưng do thay đổi điện thoại nên đã bị mất hình ảnh những biên nhận đó, đến khi phía Công ty N chậm thanh toán gia đình ông mới làm việc trực tiếp với anh P để xác định công nợ. Quá trình làm ăn bên cửa hàng của gia đình ông cung cấp nguyên liệu đóng gói, bên Công ty cổ phần N hàng tháng vẫn thanh toán đầy đủ theo như thỏa thuận giữa hai bên, mỗi tháng thanh toán 01 lần vào ngày 15 hàng tháng. Việc làm ăn giữa hai bên không có hợp đồng chỉ thỏa thuận bằng miệng, hàng tháng hai bên vẫn quyết toán công nợ đầy đủ. Đến tháng 01/2023 bên phía Công ty cổ phần N đã nợ gia đình ông số tiền là 144.120.000 đồng tiền nguyên vật liệu đóng gói hàng, ông đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin cho anh P (giám đốc công ty) đề nghị anh P cũng như bên phía Công ty cổ phần N trả cho ông số tiền nguyên liệu đóng gói còn nợ.

Tháng 10/2023 (ông không nhớ cụ thể ngày) ông có gọi điện thoại cho anh P để yêu cầu anh P trả số tiền trên, anh P đã thừa nhận số nợ này, hứa đồng ý sẽ trả tiền cho gia đình ông nhưng đến nay anh P mới chỉ trả cho gia đình ông được 02 lần mỗi lần 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) từ tài khoản cá nhân của anh P tới số tài khoản của con trai ông là anh Nguyễn Đình T. Gia đình ông đã nhiều lần yêu cầu nhưng bên phía Công ty cổ phần N - đại diện là anh P vẫn chây ỳ không chịu trả tiền cho gia đình ông. Đến nay Công ty Cổ phần N còn nợ số tiền 134.120.000 đồng.

Từ đầu năm 2023 cho đến nay anh P không thanh toán số tiền còn thiếu cho gia đình ông ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Đình T về việc yêu cầu Tòa án buộc Công ty N - đại diện là anh Võ Minh P phải trả cho con ông số tiền 134.120.000 đồng (Một trăm ba mươi bôn triệu một trăm hai mươi nghìn đông) và buộc Công ty cổ phần N phải chịu tiền lãi trên số tiền trên từ tháng 01/2023 cho đên khi Tòa án giải quyết xong vụ việc với mức lãi suất theo lãi suất là 09%/năm.

Vì lý do công việc bận rộn ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông và cam kết không thắc mắc hay có khiếu nại gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật tuy nhiên Công ty CP N vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không có đơn xin vắng mặt gửi Toà án.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về cơ bản vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và những ý kiến đã trình bày trong quá trình tham gia tố tụng trước đây.

Bị đơn là công ty Cổ phần N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần những vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không có đơn xin xét xử vắng mặt và không có bất kỳ văn bản ý kiến trình bày nào gửi đến Tòa án, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt công ty Cổ phần N theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đình T1 vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố đơn xin xét xử vắng mặt và bản tự khai, văn bản ý kiến của ông Nguyễn Đình T1 có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký cơ bản đã thực hiện đúng quy định của Bộ

luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ: các Điều 24, 50, 297 Luật Thương mại.

Căn cứ: Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cùng danh mục mức án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

1. Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Đình T khởi kiện Công ty N có địa chỉ hoạt động kinh doanh tại Đội 5, V, xã Đ, huyện T (nay là xã N), thành phố Hà Nội. Toà án nhân dân huyện Thanh Trì (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Hà Nội) thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[1.2] Xác định tư cách đương sự: Công ty Cổ phần N và ông Nguyễn Đình T đã thỏa thuận về việc cung cấp nguyên vật liệu đóng gói. Khi Công ty Cổ phần N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ông Nguyễn Đình T đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở về việc thanh toán nhưng Công ty Cổ phần N vẫn không thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận. Nay ông Nguyễn Đình T khởi kiện Công ty N, Tòa án xác định ông Nguyễn Đình T là nguyên đơn và Công ty Cổ phần N là bị đơn là đúng theo quy định pháp luật.

[1.3] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Hà Nội xác định ông Nguyễn Đình T thỏa thuận cung cấp nguyên vật liệu đóng gói cho Công ty cổ phần N – đại diện theo pháp luật là anh Võ Minh P, không ký hợp đồng mua bán hàng hóa. Thời điểm thỏa thuận, ông T và gia đình hoạt động sản xuất và cung cấp hàng hóa như một hộ kinh doanh cá thể, có đóng thuế đầy đủ cho nhà nước mặc dù chưa được cấp đăng ký kinh doanh. Sau khi đã được cấp giấy đăng ký kinh doanh và ông T đại diện cho H1 đã nộp bổ sung thêm

tài liệu chứng cứ là các tờ khai thuế và giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cấp ngày 21/5/2024.

Vì vậy khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định mối quan hệ tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện là tranh chấp dân sự - kiện đòi tài sản nhưng sau đó đã ra thông báo thay đổi quan hệ pháp luật thành tranh chấp kinh doanh thương mại – Hợp đồng mua bán hàng hóa và thông báo mở lại phiên tòa, tiếp tục giải quyết vụ án là đúng theo quy định pháp luật.

[1.4] Về sự vắng mặt tại phiên tòa của đương sự: Bị đơn là Công ty Cổ phần N có địa chỉ hoạt động kinh doanh tại Đội 5, V, xã Đ, huyện T (nay là xã N), thành phố Hà Nội. Qua trao đổi với bà Nguyễn Thị H – trưởng thôn V, xã Đ, huyện T (nay là xã N) thành phố Hà Nội cho biết Công ty Cổ phần N đã thuê xưởng và hoạt động thực tế tại địa chỉ trên khoảng 03 năm. Thời gian gần đây mặc dù tại địa chỉ vẫn còn gắn biển công ty cổ phần N nhưng đóng cửa, không hoạt động và địa phương không biết doanh nghiệp còn hoạt động ở địa chỉ nào khác hay không. Vì vậy Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng và giải quyết vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đình T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Đình T1 theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung.

[2.1] Về hiệu lực của Hợp đồng: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ là vi bằng số 137/2024/VB0TPLQM ngày 26/8/2024 của văn phòng T2; Các bản ảnh thể hiện việc giao dịch, mua bán và chốt công nợ giữa nguyên đơn và bị đơn xác định hợp đồng mua bán hàng hóa giữa ông Nguyễn Đình T và Công ty Cổ phần N là hợp đồng miệng, được hai bên giao kết tự nguyện và đã thực hiện trên thực tế. Xét thấy tại thời điểm giao kết, thỏa thuận hợp đồng bằng miệng, nguyên đơn và bị đơn đều có đầy đủ điều kiện kinh doanh và năng lực pháp lý, hợp tác trên cơ sở cùng có lợi. Nội dung thỏa thuận giữa hai bên không vi phạm điều cấm, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý kể từ thời điểm giao kết. Do đó cần công nhận hiệu lực của hợp đồng này và các bên giao kết có nghĩa vụ thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung đã thỏa thuận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên toà ngày 30/7/2025, nguyên đơn đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến yêu cầu buộc Công ty cổ phần N thanh toán số tiền lãi đối

với việc chậm thanh toán khoản tiền 134.120.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, cần đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút của nguyên đơn.

Căn cứ lời khai, ý kiến trình bày tại phiên toà của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Nguyên đơn và gia đình cùng kinh doanh nguyên vật liệu đóng gói hàng hóa là băng dính, xốp nổ... Từ năm 2022 nguyên đơn hoạt động buôn bán như một hộ kinh doanh cá thể và có nộp thuế đầy đủ. Nguyên đơn đã cung cấp nguyên liệu đóng gói theo đúng thỏa thuận và công ty cổ phần N ban đầu hàng tháng vẫn thực hiện việc thanh toán cho nguyên đơn. Tuy nhiên đến hết năm 2022, công ty cổ phần N đã chậm thanh toán theo thỏa thuận của các bên. Ông Võ Minh P – đại diện theo pháp luật của công ty Cổ phần N cũng đã xác nhận khoản nợ này nhưng chỉ thanh toán hai lần duy nhất, mỗi lần 5.000.000 đồng vào các ngày 30/10/2023 và 20/11/2023. Vì vậy xác định công ty Cổ phần N đã vi phạm về thời hạn thanh toán theo thỏa thuận và phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn.

Hội đồng xét xử thấy cần buộc Công ty N thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ là: 134.120.000. đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi tư triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng).

3. Về án phí và quyền kháng cáo.

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên công ty cổ phần N phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Từ các nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; Khoản 1 Điều 147; Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ các Điều 24, 50, 297 Luật Thương mại.

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cùng danh mục mức án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút là yêu cầu buộc Công ty Cổ phần N phải thanh toán khoản tiền lãi chậm thanh toán.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hộ kinh doanh ông Nguyễn Đình T. Buộc công ty cổ phần N – đại diện theo pháp luật là anh Võ Minh P phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ là 134.120.000 đồng (Một trăm ba mươi tư triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

Công ty Cổ phần N phải chịu 6.706.000 (sáu triệu, bảy trăm linh sáu nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Nguyễn Đình T 3.353.000 (ba triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0056608 ngày 21/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bị đơn vắng tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Khu vực 11 – Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 11 – Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Bảo Long